



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC-VNSTEEL

TT	TÀI LIỆU	CỔ ĐÔNG	KHÁCH MỜI
1	Chương trình Đại hội	x	x
2	Quy chế làm việc của Đại hội		
3	Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh 2016 và kế hoạch kinh doanh 2017.	x	x
4	Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel đã được kiểm toán.	x	x
5	Báo cáo của Ban kiểm soát kết quả kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty năm 2016.	x	x
6	Tờ trình: + Về kế hoạch SXKD năm 2017. + Về kế hoạch tài chính năm 2017. + Về kế hoạch đầu tư năm 2017. + Về chia tổ tức, lập các quỹ năm 2016. + Về kế hoạch chia cổ tức, lập các quỹ năm 2017. + Về chế độ thù lao HĐQT, BKS năm 2016. + Về kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2017. + Về giao quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán năm 2017.	x	x
7	Phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	x	
8	Phiếu chất vấn của cổ đông	x	

BAN TỔ CHỨC

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÀY 05 THÁNG 4 NĂM 2017**

I. PHẦN NGHI THỨC

1. Chào cờ, Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
2. Thống nhất nhân sự Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự đại hội.
3. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội.
4. Thông qua Quy chế tổ chức đại hội.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Thông qua chương trình đại hội.
2. Báo cáo của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh 2016 và kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm SXKD năm 2017.
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2016.
5. Thông qua:
 - + Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017;
 - + Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2017;
 - + Tờ trình về kế hoạch tài chính năm 2017;
 - + Tờ trình về chia cổ tức, lập các quỹ năm 2016;
 - + Tờ trình về kế hoạch chia cổ tức, lập các quỹ năm 2017;
 - + Tờ trình về chế độ thù lao HĐQT - BKS năm 2016;
 - + Tờ trình về kế hoạch thù lao HĐQT - BKS năm 2017;
 - + Tờ trình về giao quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán.
6. Cổ đông thảo luận và giải đáp của Hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty.
7. Phát biểu của đại diện Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
8. Phát biểu của Tổng giám đốc Công ty.
9. Biểu quyết thông qua các báo cáo và các tờ trình.
10. Thông qua nghị quyết đại hội.
11. Biểu quyết thông qua nghị quyết Đại hội.
12. Thông qua biên bản đại hội.
13. Tuyên bố bế mạc đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP
THỦ ĐỨC - VNSTEEL
Đương Minh Chính

Tp. HCM, ngày 5 tháng 4 năm 2017

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL;

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL báo cáo dự thảo “Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017” như sau:

**CHƯƠNG I
QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông

Điều 2. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức -VNSTEEL
- Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

Điều 3. Yêu cầu chung

- Các cổ đông đến tham dự họp Đại hội phải đủ 18 tuổi trở lên và phải ăn mặc chỉnh tề.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như mất quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Điều kiện để tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

5.1. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông đều được dự Đại hội đồng cổ đông hoặc có thể ủy quyền cho người đại diện tham gia Đại hội. Cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội đều được nhận các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp.

Mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu còn hạn sử dụng...) và Giấy ủy quyền (nếu có) trình Ban tổ chức Đại hội;

Cổ đông dự Đại hội đến muộn phải đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

5.2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các quy định, điều kiện tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với ban tổ chức Đại hội
- Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị đề cử.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch đoàn và Ban thư ký Đại hội.

Chủ tịch đoàn:

- Chủ tịch đoàn do Đại hội bầu ra, trong đó có Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch đoàn, chủ tọa đại hội, Chủ tịch đoàn điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số. Chủ tịch đoàn hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội, và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Chủ tọa có quyền :

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Thời gian hoãn theo qui định của Điều lệ công ty.

Ban thư ký:

thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tịch đoàn, cụ thể Ban thư ký có các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết Đại hội;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch đoàn.

CHƯƠNG III**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI****Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội**

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung phải biểu quyết theo Chương trình Đại hội.

Điều 9. Hình thức biểu quyết

- Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Việc biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết và ký tên vào phiếu biểu quyết nộp lại cho thư ký đại hội trước khi bế mạc.

Ban thư ký sẽ thống kê và công bố tỷ lệ biểu quyết của từng vấn đề tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội

Các nội dung biểu quyết được coi là thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG IV**PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI****Điều 11. Nguyên tắc và hình thức phát biểu ý kiến**

Cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận thì ghi vào phiếu Chất vấn và phiếu góp ý của cổ đông có trong cặp tài liệu của các cổ đông, chuyển về Ban thư ký để ban thư ký chuyển về cho chủ tịch đoàn.

Ý kiến đóng góp, chất vấn cần ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.

Chủ tịch đoàn sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

CHƯƠNG V**KẾT THÚC ĐẠI HỘI****Điều 12. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội, các vấn đề chính thông qua phải được ghi vào nghị quyết.

Nghị quyết và Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào sổ Nghị quyết Công ty.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành.

Trường hợp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự định khai mạc.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai và cuộc họp triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp theo đúng qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 6 chương 14 điều và có hiệu lực kể từ khi được đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính

Số 549 /BC-VKC

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017**

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 8 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Km số 9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 122.253.930.000 đồng, tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó tỷ lệ vốn của các cổ đông như sau:

- * Vốn nhà nước: 65% do Tổng công ty Thép Việt Nam (VNS) sở hữu.
- * Vốn các tổ chức, cá nhân khác: 35% vốn Điều lệ trong đó có 1 cổ đông lớn như sau:
 - + Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển: 10,9 % VDL.
 - + Các cổ đông khác: 24,10% VDL.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức là sản xuất, kinh doanh thép xây dựng.

Hội đồng quản trị báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016; kế hoạch, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI-THỊ TRƯỜNG NĂM 2016:

1. Tình hình kinh tế xã hội.

Kinh tế xã hội trong nước diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phục hồi chậm không đều, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, giá dầu tiếp tục giảm và không ổn định ảnh hưởng tình hình tài chính quốc gia.

Nhìn chung năm 2016 tình hình kinh tế xã hội nước ta có nhiều tín hiệu tích cực về tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh và phát triển kinh tế đối ngoại, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động phức tạp.

Trong năm 2016 GDP Việt Nam tăng 6,21 % không đạt kế hoạch đề ra và thấp hơn năm 2015.

Trong năm 2016 sản xuất công nghiệp trong nước là động lực mạnh cho nền kinh tế, ghi nhận sự cải thiện đối với hầu hết các chỉ số. Chỉ số tiêu thụ tiếp tục tăng, chỉ số tồn kho thấp hơn cùng kỳ năm trước. Năm 2016 lạm phát thấp, tổng mức tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ tăng; tuy nhiên, trong năm 2016 do chịu ảnh hưởng lớn từ thiên tai khí hậu, sự cố môi trường Fomosa đã làm cho sản xuất nông nghiệp tăng trưởng thấp ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng chung của cả nền kinh tế.

Sản xuất hàng hóa trong nước vẫn chịu áp lực từ hàng hóa nhập khẩu giá thấp mà đặc biệt là từ Trung Quốc.

2. Tình hình thị trường thép.

Giá các mặt hàng thép trên thị trường thép thế giới tiếp tục không ổn định và duy trì ở mức thấp trong những tháng giữa năm. Thép giá rẻ Trung Quốc tràn ra thị trường là một trong những nguyên nhân chính tác động xấu thị trường thép thế giới.

Ngành thép trong nước chịu nhiều tác động từ thép nhập khẩu giá rẻ. Nhu cầu thị trường năm 2016 nhìn chung vẫn khá tốt. Đặc biệt kể từ tháng 03/ 2016, Bộ Công thương áp dụng Thuế tự vệ tạm thời, và chính thức áp dụng từ ngày 02 tháng 8 năm 2016 đối với mặt hàng nhập khẩu phôi thép là 23,3%, thép dài là 15,4% đã có ảnh hưởng tích cực đến sản xuất kinh doanh thép xây dựng trong nước. Tuy nhiên cạnh tranh ngày càng gay gắt; thép nhập khẩu giá rẻ tìm mọi cách lách luật vào thị trường, cùng với một số dự án mới được đưa vào hoạt động khiến nguồn cung tăng, giá bán tăng, giảm thất thường do các nhà sản xuất muốn giành giật thị phần.

Thị trường thép xây dựng diễn biến phức tạp, cạnh tranh gay gắt hơn do nguồn cung tăng nhanh hơn tăng trưởng nhu cầu. Thiết bị công nghệ của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL nằm trong nhóm công nghệ thấp, nên giá thành sản phẩm khá cao so với giá thành sản phẩm thép do các Công ty sản xuất thép đầu tư sau có công nghệ hiện đại, làm hạn chế năng lực cạnh tranh của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã bám sát thị trường, quản trị sản xuất sâu sát, phát huy được những lợi thế trong sản xuất, duy trì được sản xuất kinh doanh, hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng khá trong tình hình giá bán theo xu hướng giảm, ổn định đời sống người lao động.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH - LỢI NHUẬN 2016:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu.

1.1. Kết quả thực hiện năm 2016.

- Để phát huy tốt nhất hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, thúc đẩy tiêu thụ (sản xuất D10 và D12 với sản lượng đạt 84.672 tấn, đạt 53% tổng sản lượng thép cán năm 2016, tăng cường sản xuất các loại phôi, khai thác tối đa công suất và hiệu quả từ sản xuất luyện

thép để đáp ứng được nhu cầu sản xuất thép cán và của đối tác, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phối hợp với Công ty Thép Miền Nam và khách hàng, nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường. Xuất khẩu thép cán thông qua Thép Miền Nam đạt hơn 13.300 tấn, doanh số đạt trên 124 tỷ đồng.

- Chất lượng sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Cải tiến dịch vụ giao hàng, tổ chức giao hàng thêm giờ kể cả ngày lễ và chủ nhật nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu giao nhận hàng của khách hàng. Công tác chăm sóc khách hàng luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết nhanh chóng, thỏa đáng các thông tin phản hồi từ khách hàng, đã thỏa mãn phần nào nhu cầu thị trường.

* Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2016:

T T	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện Năm 2016	% so với kế hoạch	Năm 2016 so với năm 2015	
						Thực hiện 2015	% so 2015
I	Sản xuất						
1	Phôi thép	tấn	160.000	169.220	105,76	155.791	108,62
2	Thép cán	tấn	130.000	153.883	118,37	128.936	119,35
II	Tiêu thụ						
	- Thép cán	tấn	130.000	159.814	122,93	128.099	124,76
	- Phôi thép	tấn	25.000	21.616	86,46	19.436	111,2
III	Chỉ tiêu t/chính						
	- Doanh thu	tỷ. đ	1.345	1.711,638	127,21	1.585,372	107,95
	- Lợi nhuận (trước thuế)	tỷ. đ	25	43,92	175,68	55,018	79,82
	- Khấu hao	tỷ. đ	16,121	16,183	100,38	16,197	99,91
	- Nộp ngân sách	tỷ. đ		43,490	-	42,140	103,20

1.2. Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2016.

Sản xuất thép cán của Công ty đạt 153.883 tấn, tăng trưởng hơn 19% so với 2015, và vượt hơn 18% so với kế hoạch; sản xuất phôi đạt 169.220T tăng hơn 8% so với năm 2015 và vượt hơn 5% so với kế hoạch.

Nhận thấy nhu cầu thị trường tăng và có hiệu quả nên Công ty đã đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ thép cán. Sản lượng thép cán tiêu thụ năm 2016 đạt 159.814T tăng trưởng gần 25 % so với năm 2015 và vượt gần 23% so với kế hoạch.

Do phải tập trung phôi cho sản xuất cán nên năm 2016 Công ty đã hạn chế bán phôi. Sản lượng tiêu thụ sụt giảm, không đạt kế hoạch đề nhưng sản lượng tiêu thụ phôi vượt hơn 11% so với năm 2015.

Năm 2016, sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều chuyên biến tích cực, sản lượng sản xuất phôi, thép cán và tiêu thụ thép cán đều tăng khá cao. Tuy nhiên trên thị trường giá thép xây dựng lên xuống khó lường và giảm sâu trong những tháng giữa năm cộng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu và giữa các Nhà sản xuất, nên mặc dù doanh thu tăng gần 8% so với năm 2015, nhưng lợi nhuận lại giảm 20% so với năm 2015.

Trong điều kiện thị trường bất ổn như vậy, để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Công ty đã cố gắng duy trì tồn kho liệu thấp, xác định thời điểm mua hợp lý, tăng cường bán hàng trước xu hướng giá giảm.

III. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2016:

1. Công tác kỹ thuật, đầu tư.

Quản lý tốt công tác kỹ thuật công nghệ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt định mức, đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn công bố và yêu cầu của khách hàng.

Đầu tư mua mới máy biến thế 25 MVA cho lò luyện EAF, đưa vào hoạt động cuối tháng 9 năm 2016, góp phần chủ yếu để tăng sản lượng phôi thép từ mức trung bình 01 ngày đêm 20 mẻ lên 24 mẻ.

Đầu tư mua mới xe đào 0,9 m³ có kèm hệ thống phát điện dùng cho mâm từ gắn trên xe đào, đưa vào hoạt động từ đầu tháng 11/2016, đáp ứng cho kế hoạch sản xuất của Phân xưởng luyện.

Điều chỉnh lại chế độ của hệ thống điều khiển nấu luyện Danienli phù hợp với biến thế 25 MVA nhằm ổn định công nghệ và thiết bị tăng hiệu quả sản xuất.

Các hạng mục đầu tư trong năm đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngay phát huy được hiệu quả.

Công trình cải tạo đường dẫn thời nóng nhằm đáp ứng công nghệ cán hoạt động ổn định hơn, hiệu quả được nâng cao.

Thực hiện công tác sửa chữa lớn, đại tu các xe tải, xe ben, xe nâng, xe đào, xe camry vv..; đại tu các cầu trục, căn chỉnh đường ray; thay tôn nhà xưởng vv.. phục vụ tốt cho sản xuất.

Theo dõi và lên kế hoạch bảo dưỡng tốt thiết bị định kỳ, không để xảy ra sự cố lớn ảnh hưởng sản xuất.

Quản lý tốt công tác bảo vệ môi trường, đo đạc báo cáo định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.



Công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp được các cấp quan tâm triển khai thực hiện tốt, không để xảy ra tai nạn lao động nặng. Duy trì và thực hiện tốt phong trào 5S “ nhà máy công viên” tạo môi trường làm việc thân thiện xanh, sạch, đẹp.

Tuy nhiên công tác vệ sinh, môi trường còn phải chấn chỉnh nhất là khâu phân loại rác thải độc hại.

Trong năm xảy ra 02 vụ tai nạn lao động nhẹ, trong đó 01 vụ 01 CN bỏng do xi thép nóng và 01 vụ nổ đạn 01 CN bị thương nhẹ vào tay. Để nâng cao hiểu biết về vật liệu nổ Công ty hợp đồng với bộ đội công binh mở lớp tập huấn nhận dạng bom mìn cho công nhân Phân xưởng Luyện thép.

2. Công tác triển khai kế hoạch di dời nhà máy và khai thác khu đất hiện hữu.

2.1 Trong ngắn hạn:

Tiếp tục quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có, phát huy năng lực sẵn có, có đầu tư cải tạo thích hợp để giảm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh.

Hiện nay khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh là tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với Thép Miền Nam theo thỏa thuận hợp tác, sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm của Công ty trên cơ sở có hiệu quả.

Lấy mục tiêu lợi ích cổ đông song song với lợi ích của người lao động, CBCNV thi đua sản xuất với hiệu quả cao để công ty có lợi nhuận và cải thiện thu nhập cho người lao động.

2.2 Về chuyên đổi công năng, khai thác lợi ích tại khu đất hiện hữu.

Ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và thống nhất có nghị quyết nhất trí:

- Giao quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty tìm chọn đối tác đầu tư và ký thỏa thuận khai thác bất động sản tại khu đất hiện hữu của Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel, đảm bảo chi phí hỗ trợ di dời cho Thép Thủ Đức hợp lý.

- Giao quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty tìm chọn vị trí xây dựng nhà máy mới và lập phương án di dời khả thi, kịp tiến độ của TP.Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL đã có Nghị quyết giao cho ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung trên.

Qua quá trình tìm kiếm, chào mời, thu thập hồ sơ, đánh giá các đối tác, Công ty đã lựa chọn và ký thỏa thuận khai thác bất động sản tại khu đất hiện hữu với Công ty bất động sản Refico, đảm bảo chi phí hỗ trợ di dời cho Thép Thủ Đức.

2.3 Về Phương án di dời và phát triển của Thép Thủ Đức-Vnsteel.

- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là cổ đông lớn của Công ty đã nhất trí chủ trương chọn phương án di dời và nâng cấp thiết bị hiện hữu của Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel với qui mô:

+ Xưởng luyện thép công suất: 250 ngàn tấn/năm.

+ Xưởng cán thép: 200 ngàn tấn/năm.

+ Cảng xà lan 1000 tấn.

- Công ty đã triển khai thực hiện các bước:

+ Khảo sát thực tế các khu công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, lựa chọn vị trí di dời là khu Công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 2, có vị trí mặt bằng và giao thông thuận lợi. Việc cung cấp điện cho sản xuất được khu công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho EVN cấp nguồn trực tiếp; chi phí thuê đất trong đối hợp lý (khoảng 115 USD/m²/50 năm) đồng thời sẽ thanh toán trong 3 năm.

+ Đã làm việc với khu CN Hiệp Phước và HEPZA về việc chấp thuận vị trí mới cho dự án; thống nhất về vị trí và diện tích khu đất với Khu CN Hiệp Phước.

+ Lựa chọn Công ty tư vấn lập dự án tiền khả thi, lập F/S dự án. Đến nay đã hoàn thành cơ bản FS gửi xin ý kiến cố đồng lớn Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

+ Làm việc với các tổ chức tín dụng để xem xét phương án huy động vốn.

+ Đã làm việc với các đơn vị liên quan của Tổng công ty Điện lực thành phố về khả năng cấp điện cho dự án.

+ Bước đầu đã làm việc với các đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho dự án.

3. Công tác kinh doanh, nguyên liệu.

3.1 Về chuẩn bị vật tư nguyên liệu.

Xác định đây là một trong những yếu tố quan trọng của 3 khâu: quản trị đầu vào, quản trị sản xuất, quản trị đầu ra (bán hàng). Công ty đã chú trọng bám sát thị trường nguyên liệu sắt thép vụn, từ đó có chính sách giá và thu mua hợp lý. Chú trọng nghiệm thu, loại bỏ tạp chất nghiêm ngặt tạo điều kiện cho sản xuất hiệu quả. Phối hợp với công nghệ để định hướng sử dụng liệu và mua liệu phù hợp tăng hiệu quả sản xuất. Chủ động tính toán trong phối liệu, sử dụng liệu giá thấp để giảm giá thành sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng phối theo đúng tiêu chuẩn quy định.

- Các vật tư khác cho sản xuất như vật liệu chịu lửa, pherô hợp kim được lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp, chọn lựa những nhà cung cấp hàng đạt chất lượng và giá cả hợp lý để giảm chi phí sản xuất.

- Quản lý chặt chẽ khâu định mức và sử dụng xăng dầu trong vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa tại Công ty.

- Tồn kho vật tư thiết bị hợp lý cho từng thời kỳ, giảm chi phí tồn kho, tranh thủ được thời cơ để mua được các vật tư nguyên liệu có giá thích hợp, góp phần giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

3.2 Công tác tiêu thụ.

Đánh giá đúng tình hình thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ thép cán phù hợp, có hiệu quả; tùy theo diễn biến của thị trường để chọn thời điểm bán phù hợp và hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với Công ty Thép Miền Nam trong việc tiêu thụ sản phẩm thép /V/. Thông qua kênh khách hàng để nắm bắt thông tin của thị trường, từ đó có kế hoạch thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán, đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng, người tiêu dùng... Công ty tuân thủ các thỏa thuận hợp đồng tiêu thụ thép /V/ với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam- Vnsteel và tuân thủ quy định về sản xuất kinh doanh thép /V/ của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

4. Công tác tổ chức lao động.

Xác định năng suất, chất lượng lao động là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy đã chú trọng đào tạo, tuyển dụng và tinh giản lao động. Trong năm bổ nhiệm, luân chuyển 11 cán bộ chức danh gồm: Chủ tịch HĐQT mới được bầu thay thế chủ tịch cũ nghỉ hưu, bổ nhiệm 02 phó tổng giám đốc, 02 trưởng phòng (TCHC, Kỹ Thuật), 01 quản đốc PXL, 01 phó quản đốc PXL, 01 phó phòng Tài chính - Kế toán và 01 phó phòng TCHC, luân chuyển 01 Phó phòng TCHC làm Phó phòng kỹ thuật và 01 phó quản đốc PXL làm Phó phòng Kế hoạch-Kinh doanh.

- Tổng số lao động hiện có: 398 người (trong đó lao động nữ 17); trong năm tăng 27 người, giảm 29 người (trong đó nghỉ hưu 06 người, nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân 23 người). Lao động giảm tuyệt đối trong năm 02 người.

- Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, góp phần nâng cao năng suất, làm ra sản phẩm có chất lượng ổn định.

Đã ban hành lại, điều chỉnh quyết định thưởng phạt hệ số lương sản phẩm gắn với các chỉ tiêu tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất phôi và thép cán mang lại hiệu quả tốt, khuyến khích người lao động hợp lý hóa trong sản xuất, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu.

- Năm 2016 Công ty đã thực hiện tốt pháp luật lao động, 100 % lao động làm việc trong Công ty được ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn đầy đủ, không nợ cơ quan bảo hiểm xã hội. Thỏa ước lao động tập thể, Nội qui lao động được ký kết và đăng ký đầy đủ với Sở lao động TP.Hồ Chí Minh. Các qui định và Quy chế của Công ty được thực hiện nghiêm túc. Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm 11,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 7 % so với năm 2015.

Duy trì và triển khai thực hiện tốt Chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công ty.

Duy trì thực hiện “Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc” theo 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã tạo được sự đồng thuận, đoàn kết xây dựng Công ty.

Tổ chức ổn định đội ngũ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, bổ xung nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đầy đủ quyền lợi theo chế độ cho người lao động thôi việc. Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn bộ CB CNV; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động luôn được quan tâm, thực hiện khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho CB.CNV.

- Đã sửa đổi ban hành lại Điều lệ Công ty cho phù hợp với luật doanh nghiệp 2014, đồng thời sửa đổi bổ sung ban hành lại hơn 15 Qui chế bảo đảm cho hoạt động của Công ty đi vào nề nếp công khai minh bạch.

5. Công tác Tài chính Kế toán.

Xác định quản trị tài chính là rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phối hợp với các Ngân hàng có quan hệ chiến lược với công ty để đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp thích hợp.

Định kỳ hàng tháng ước giá thành và hiệu quả để chủ động trong điều hành bán hàng và sản xuất để đảm bảo có hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn, chế độ thanh quyết toán, không để xảy ra sai sót, nhầm lẫn.

Lập báo cáo nộp ngân sách đầy đủ, đúng tiến độ. Quản lý dòng tiền tốt, kỳ thu tiền bình quân giảm so với cùng kỳ năm trước, khách hàng thanh toán nhanh.

Theo dõi giám sát thực hiện các hợp đồng kinh tế, giải quyết công nợ kịp thời và chặt chẽ. Chủ động giao dịch vay vốn trực tiếp và tạo được uy tín với các ngân hàng và các tổ chức tài chính với mức lãi suất thích hợp.

Công tác báo cáo kế toán, quản lý chi phí, quản lý giá thành đã đi vào nề nếp cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

6. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

* *Hoạt động Công đoàn, phong trào thi đua.*

Hoạt động của đoàn thể quần chúng được quan tâm thường xuyên. Tổ chức Công đoàn hoạt động tích cực, phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất, cùng chính quyền chăm lo tốt đời sống người lao động.

Công đoàn phối hợp với chính quyền thực hiện Nghị định 60/2013/NĐ-CP, ngày 19/6/2013 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, tổ chức đối thoại định kỳ.

Công ty quan tâm triển khai thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện, năm 2016 Công ty đóng góp 443 triệu đồng thực hiện công tác xã hội từ thiện tại địa phương, biển, đảo, nuôi dưỡng thương binh nặng, xây 01 căn nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng tại phường Trường Thọ quận Thủ Đức và ủy hộ nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7, nạn nhân chất độc màu da cam. Vận động CB.CNV đóng góp ủng hộ những hoàn cảnh bệnh tật khó khăn và 01 ngày lương sản phẩm vào quỹ xã hội từ thiện của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

*** Tổ chức đoàn thanh niên.**

Đoàn thanh niên đã phát huy vai trò xung kích, sáng tạo trong cải tiến kỹ thuật, đăng ký thực hiện sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động văn thể mỹ, góp phần thúc đẩy phong trào thi đua sản xuất, tham gia tích cực trong việc vận động và thực hiện phong trào xây dựng nhà máy công viên.

PHẦN THỨ II

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Hội đồng quản trị hoạt động đúng theo qui định của Điều lệ Công ty. Hàng quý họp xem xét đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý sau. Giao cho Ban điều hành tổ chức thực hiện và thể hiện được việc kiểm soát, đánh giá hoạt động của Công ty. Xác định các mục tiêu và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển cũng như định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đánh giá kết quả SXKD 2016, phân chia lợi nhuận năm 2017 vv...
- Đã chỉ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (không làm việc trực tiếp tại Công ty) theo quyết định của Đại hội cổ đông năm 2016 tổng cộng 78 triệu đồng.
- Hàng quý và kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát hoạt động của Công ty, có kết luận, báo cáo gửi Hội đồng quản trị xem xét.
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Trưởng ban kiểm soát tham gia góp ý kiến, đánh giá kết quả SXKD của công ty, giám sát công tác điều hành, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các Quy chế và Điều lệ của Công ty.

PHẦN THỨ III

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc kiểm soát việc điều hành, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Đánh giá, báo cáo kiểm soát hàng quý.

1. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành.

Trong năm qua Tổng giám đốc đã điều hành, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và các Nghị quyết họp từng quý của Hội đồng quản trị.

Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, Ban điều hành Công ty đã đề ra nhiều quyết sách để duy trì được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Năm 2016 khi thị trường tiêu thụ thép cán tốt, ban điều hành đã chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ thép cán, sản lượng thép cán tiêu thụ đạt 159.814 tấn tăng 28,8% so với năm 2015, đã đem lại lợi nhuận khá trong điều kiện cạnh tranh mạnh và xu hướng giá tăng, giảm không ổn định, từ đó góp phần tạo việc làm và ổn định thu nhập của người lao động.

Tổng Giám đốc triển khai thực hiện rất ráo và đúng tiến độ các hạng mục công trình đầu tư cải tạo đã được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, sớm đưa vào sản xuất, phát huy được hiệu quả công tác đầu tư, giảm chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty.

Thực hiện tốt Quy chế quản trị công ty, các hoạt động tài chính minh bạch được cơ quan thuế và kiểm toán đánh giá tốt.

2. Kết quả giám sát đối với đội ngũ cán bộ quản lý.

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của sản xuất kinh doanh. Trường các đơn vị thực hiện tốt các Quy chế, Quy định của Công ty không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt mọi nguồn lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Với chức trách, nhiệm vụ được giao, cán bộ quản lý tận tụy, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình; gương mẫu, trung thực trong việc chấp hành nội quy, quy định, cũng như trong thực hiện nhiệm vụ.

PHẦN THỨ IV KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI THỊ TRƯỜNG:

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp. kinh tế thế giới đặc biệt kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, dự báo tiềm ẩn nhiều rủi ro. Liên kết kinh tế qua các hiệp định thương mại được đẩy mạnh. Tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực sẽ diễn ra quyết liệt hơn.

Triển vọng kinh tế năm 2017 có nhiều điểm sáng. Quốc hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với những mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7%, lạm phát dưới 5% , kinh tế vĩ mô ổn định tạo động lực gia tăng tổng cầu xã hội nhờ gia tăng đầu tư và tiêu dùng cá nhân.

Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, kinh tế khu vực đặt ra nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức khó khăn. Năm 2017 nhà nước tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế, đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, tạo sự chủ động cho các doanh nghiệp; từ đó đòi hỏi doanh nghiệp không ngừng đổi mới, tăng năng xuất lao động, giảm giá thành sản phẩm để tăng năng lực cạnh tranh.

Tiêu thụ thép phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng GDP, thị trường bất động sản vv.. Với mục tiêu tăng trưởng 6,7 % GDP năm 2017, sự tăng trưởng của thị trường bất động sản; đặc biệt khi Bộ Công thương áp dụng Thuế tự vệ đối với mặt hàng nhập khẩu phôi thép là 23,3%, thép dài là 15,4% thì kỳ vọng ngành thép sẽ tăng trưởng 10 - 12% trong năm 2017. Tuy nhiên thị trường thép cạnh tranh ngày càng gay gắt; thép nhập khẩu giá rẻ tìm mọi cách lách luật vào thị trường, cùng với một số dự án mới được đưa vào hoạt động khiến nguồn cung tăng, giá bán tăng, giảm thất thường do các nhà sản xuất muốn giành giật thị phần sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. MỤC TIÊU SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2017:

1. Mục tiêu tổng thể:

Phát huy sự năng động sáng tạo trong sản xuất của đội ngũ người lao động, với phương châm sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận, tăng tiêu thụ, giữ vững thị phần sản phẩm thép của Công ty.

Chăm lo đời sống, đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động.

Giảm hơn nữa tiêu hao nguyên nhiên liệu - năng lượng. Nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng sản phẩm. Nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh. Khẳng định uy tín sản phẩm của Công ty ở thị trường truyền thống và từng bước vững chắc đưa sản phẩm vào thị trường khu vực mới.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh chủ yếu 2017:

*** Sản Xuất**

- Phôi thép :180.000 tấn.
- Thép cán :170.000 tấn.

*** Kinh doanh – lợi nhuận:**

- Tiêu thụ:
 - + Thép cán : 160.000 tấn.
 - + Phôi thép : 10.000 tấn.
- Lợi nhuận trước thuế: 35,44 tỷ đồng
- **Cổ tức:** Lợi nhuận giữ lại để đầu tư đi đời Công ty (không chia cổ tức).

3. Công tác đầu tư và di dời Công ty:

a. Công tác đầu tư:

- Đầu tư máy biến thế lò tinh luyện (LF) 8MVA sử dụng nguồn lưới trung thế 22KV khác tách khỏi trạm điện 25MVA, 110/15KV hiện cung cấp điện cho hai lò EAF và LF. Biến thế này vẫn phù hợp cho công tác đi dòi sau này.

Giá trị đầu tư của hạng mục này khoảng 3,5 tỉ đồng

- Đầu tư cụm động cơ một chiều cho cụm cán trung và lập trình điều khiển tốc độ từ cán trung đến cán tinh.

Giá trị đầu tư khoảng 8,5 tỉ đồng.

- Đầu tư máy tiện CNC.

Giá trị đầu tư khoảng 4 tỉ đồng.

Như vậy Tổng các hạng mục sẽ đầu tư trong năm 2017 là:

3,5 tỉ đồng + 8,5 tỉ đồng + 4,0 tỉ đồng = 16 tỉ đồng (Mười sáu tỉ đồng chẵn).

b. Công tác đi dòi:

Làm việc với Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và Bộ Công thương để sớm được phê duyệt dự án đi dòi Công ty.

Làm việc với Ban quản lý các Khu Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và KCN Hiệp Phước 2 để thống nhất giá thuê, diện tích đất thuê và làm hợp đồng thuê đất, đặt cọc tiền thuê đất.

Làm việc với Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp điện cho dự án và kéo điện lắp đặt trạm biến áp cho Công ty.

Lựa chọn đơn vị tư vấn lập ĐTM, hoàn thành và trình hội đồng thẩm định, phê duyệt.

Lập kế hoạch tổng thể, kế hoạch chi tiết để thực hiện dự án đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng công trình.

III. BIỆN PHÁP CHỦ YẾU QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH:

1. Chuẩn bị đầy đủ, kịp thời nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất phối với giá cả hợp lý. Khai thác có hiệu quả các công trình đầu tư cải tạo đã thực hiện xong. Nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị nhằm giảm hơn nữa tiêu hao nguyên, nhiên liệu trong sản xuất.

2. Xây dựng giải pháp công nghệ nhằm ổn định và nâng cao chất lượng, tiết kiệm. Đẩy mạnh sản xuất, đa dạng các mác thép và đảm bảo chất lượng sản phẩm giữ uy tín thương hiệu.

3. Hợp tác chặt chẽ với Thép Miền Nam trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng đến nguyên tắc hợp tác cùng có lợi trong hệ thống sản xuất, tiêu thụ thép /V/.

4. Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của Công ty.

5. Theo dõi và đánh giá sát thị trường để có các giải pháp thích hợp để đẩy mạnh tiêu thụ, tồn kho hợp lý. Chú trọng đến chất lượng, giá cả nguồn nguyên liệu (sắt thép vụn) để sản xuất phối đạt hiệu quả tối ưu.

6. Phát huy hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

IV. CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG:

1. Cân đối và tổ chức lao động phù hợp với nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh. Đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả và thu nhập của người lao động.

2. Thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động, tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, vệ sinh môi trường “Nhà máy - công viên”.

3. Làm tốt và đầy đủ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được đi tham quan du lịch, nghỉ ngơi.

4. Tổ chức và động viên người lao động tham gia các hoạt động văn thể, có cuộc sống lành mạnh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

5. Kiên trì phấn đấu giữ gìn môi trường trong Công ty xanh, sạch, đẹp.

V. CÔNG TÁC KHÁC:

- Thực hiện chiến lược phát triển Thép Thủ Đức đến năm 2020, trong đó phát huy hiệu quả cơ sở hiện có; thực hiện đề án đầu tư di dời và phát triển Công ty khi được phê duyệt.

- Xem xét đầu tư ngắn hạn, hợp lý những hạng mục cần thiết để phát huy cơ sở sẵn có.

- Phối hợp với Ban Ngành thành phố chuyên mục đích sử dụng khu đất hiện tại khi có quy hoạch của thành phố để di dời.

Nơi nhận:

- Cô đồng;
- CT.HĐQT, các UV.HĐQT;
- Tổng GD; các Phó TGD;
- Trưởng BKS, Trưởng các đơn vị
- Lưu: VT, HĐQT.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

A member of **HLB** International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VN-STEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 33
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

1001
C
C
H
H
Q
U
A
N

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel (tên cũ: Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức), tên tiếng Anh: VNSteel - Thu Duc Steel Joint Stock Company và tên viết tắt: Thép Thủ Đức - VNSteel. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2000 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 15 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/04/2016
Ông Hoàng Ngọc Oanh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05/04/2016
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Ủy viên	
Ông Trịnh Chính Sinh	Ủy viên	
Ông Lê Khắc Thành	Ủy viên	
Ông Cao Anh Kiệt	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phùng Hiền	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Minh Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/8/2016
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/8/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2016
Ông Huỳnh Văn Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trưởng Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2017

Số: **13** /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel được lập ngày 14 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Minh Thủy

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

TP. Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		320.786.575.303 ✓	312.119.645.374
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	113.907.855.637 ✓	113.863.240.466
111	1. Tiền		43.907.855.637	113.863.240.466
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.577.328.052 ✓	67.157.271.539
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	102.369.714.725	67.386.097.711
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	95.092.600	1.017.792.120
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	963.835.027 ✓	749.301.718
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.851.314.300) ✓	(1.995.920.010)
140	IV. Hàng tồn kho		102.448.165.680	131.099.133.369
141	1. Hàng tồn kho	8	102.448.165.680 ✓	131.099.133.369
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.853.225.934 ✓	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.821.874.286	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	31.351.648	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.567.104.756 ✓	69.182.399.782
220	II. Tài sản cố định		62.145.152.405	67.951.090.691
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	62.145.152.405	67.951.090.691
222	- Nguyên giá		303.271.478.961 ✓	292.893.549.074
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(241.126.326.556) ✓	(224.942.458.383)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.421.952.351	1.231.309.091
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	5.421.952.351	1.231.309.091
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>388.353.680.059</u> ✓	<u>381.302.045.156</u> ✓

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		172.427.861.693	179.901.301.874
310	I. Nợ ngắn hạn		121.429.861.693	178.903.301.874
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	48.449.379.495	16.421.975.675
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.606.883	7.161.464
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.416.898.403	6.107.236.661
314	4. Phải trả người lao động		11.549.599.766	10.991.293.207
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		3.976.355.639	4.467.628.937
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	463.873.676	2.040.211.920
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	51.295.444.200	138.365.349.768
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		264.703.631	502.444.242
330	II. Nợ dài hạn		50.998.000.000	998.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	50.998.000.000	998.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		215.925.818.366	201.400.743.282
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	215.925.818.366	201.400.743.282
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		19.752.106.672	18.706.614.430
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.211.447.413	42.731.864.571
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		21.365.932.285	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		34.845.515.128	42.731.864.571
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		388.353.680.059	381.302.045.156

Nguyễn Anh Kha

Đỗ Thị Long Châu



Nguyễn Anh Kha
Người lập

Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.711.638.444.426 ✓	1.585.372.952.672
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.335.418.869 ✓	2.157.539.033
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.710.303.025.557 ✓	1.583.215.413.639
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.612.501.426.657	1.470.821.783.851
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.801.598.900 ✓	112.393.629.788
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.940.476.054	4.668.658.262
22	7. Chi phí tài chính	23	3.505.760.995	13.647.393.534
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.430.767.091	13.429.330.890
25	8. Chi phí bán hàng	24	13.087.216.889	16.284.639.547
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	39.151.786.290	31.802.098.072
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.997.310.780 ✓	55.328.156.897
31	11. Thu nhập khác		-	325.974.210
32	12. Chi phí khác	26	76.493.980	635.566.713
40	13. Lợi nhuận khác		(76.493.980)	(309.592.503)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.920.816.800	55.018.564.394
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	9.075.301.672	12.286.699.823
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>34.845.515.128</u>	<u>42.731.864.571</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28		3.041



Nguyễn Anh Kha
Người lập



Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Phùng Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.920.816.800	55.018.564.394
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.183.868.173	16.197.739.009
03	- Các khoản dự phòng		855.394.290	185.125.800
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.119.303	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.282.224.393)	(466.467.237)
06	- Chi phí lãi vay		3.430.767.091	13.429.330.890
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		63.120.741.264	84.364.292.856
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(34.306.802.451)	14.191.342.791
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		28.650.967.689	6.275.900.884
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		81.553.649.201	(5.785.088.750)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.821.874.286)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.665.847.206)	(13.236.197.875)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.573.000.353)	(12.463.293.890)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.442.630.455)	(2.159.735.936)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		117.515.203.403	71.187.420.080
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.568.573.147)	(6.000.894.384)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	285.673.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.282.224.393	352.477.009
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.286.348.754)	(5.362.744.375)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		436.212.710.568	1.060.263.067.146
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(523.282.616.136)	(1.128.684.308.054)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.115.550.200)	(9.780.314.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(104.185.455.768)	(78.201.555.308)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		43.398.881	(12.376.879.603)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		113.863.240.466	126.240.120.069
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.216.290	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	113.907.855.637	113.863.240.466






Nguyễn Anh Kha
Người lập

Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2017

11/01/2017
 CH
 CỎ
 HÂN
 HÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel (tên cũ: Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức), tên tiếng Anh: VNSteel - Thu Duc Steel Joint Stock Company và tên viết tắt: Thép Thủ Đức - VNSteel. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2000 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.930.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 122.253.930.000 đồng; tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh sắt, thép.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép, gang.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản nợ vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16, "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

100
C
C
H
A
N

Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

110
NI
GT
KI
AA
TP

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	111.295.413	197.670.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.796.560.224	113.665.569.973
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	-
	<u>113.907.855.637</u>	<u>113.863.240.466</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, có giá trị 70 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	78.696.449.248	17.995.426.735
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	19.824.951.177	-
- Công ty TNHH Thép Vina Kyocci	-	38.861.889.880
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.848.314.300	10.528.781.096
	<u>102.369.714.725</u>	<u>67.386.097.711</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>98.818.400.425</u>	<u>57.357.512.415</u>

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Danicli Automation S.p.A	-	-	762.715.200	-
- Hiệp hội Thép Việt Nam	33.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Dịch vụ Kỹ thuật Bách Khoa	20.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH KOBELCO Việt Nam	42.092.600	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	-	-	255.076.920	-
	<u>95.092.600</u>	<u>-</u>	<u>1.017.792.120</u>	<u>-</u>

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về bảo hiểm y tế	1.449.503	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.220.151	-	-	-
- Tạm ứng	31.227.200	-	32.867.700	-
- Phải thu khác	929.938.173	-	716.434.018	-
	<u>963.835.027</u>	<u>-</u>	<u>749.301.718</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi Mỹ 2	2.851.314.300	-	2.851.314.300	855.394.290
	2.851.314.300	-	2.851.314.300	855.394.290

Ngày 22/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 12 đã có văn bản số 2885/CQĐT-KT đã bước đầu xác minh Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi Mỹ 2 đã không còn hoạt động tại địa phương.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.401.346.618	-	61.812.194.524	-
Công cụ, dụng cụ	237.503.775	-	333.616.698	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.802.519.291	-	7.901.356.649	-
Thành phẩm	9.273.305.597	-	61.051.965.498	-
Hàng gửi đi bán	733.490.399	-	-	-
	102.448.165.680	-	131.099.133.369	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.584.487.291	1.231.309.091
- Quy hoạch dự án xây dựng nhà máy Thép Thủ Đức	1.090.909.091	1.090.909.091
- Lập phương án đi dờ và nâng cấp thiết bị	493.578.200	140.400.000
Mua sắm tài sản cố định	3.837.465.060	-
- Hệ thống điều khiển điện	3.837.465.060	-
	5.421.952.351	1.231.309.091

01/11/2016
 CH
 CÔ
 HÂN
 1/AN



10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	42.138.028.976	217.356.447.805	30.495.328.787	2.903.743.506	292.893.549.074
- Mua trong năm	-	7.475.929.887	2.832.727.273	69.272.727	10.377.929.887
Số dư cuối năm	42.138.028.976	224.832.377.692	33.328.056.060	2.973.016.233	303.271.478.961
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.152.946.124	165.493.773.824	24.284.635.680	2.011.102.755	224.942.458.383
- Khấu hao trong năm	2.094.344.604	11.521.380.707	2.381.514.399	186.628.463	16.183.868.173
Số dư cuối năm	35.247.290.728	177.015.154.531	26.666.150.079	2.197.731.218	241.126.326.556
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.985.082.852	51.862.673.981	6.210.693.107	892.640.751	67.951.090.691
Tại ngày cuối năm	6.890.738.248	47.817.223.161	6.661.905.981	775.285.015	62.145.152.405

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 80.893.960.792 VND

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.821.874.286	-
	<u>3.821.874.286</u>	<u>-</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	12.900.888.000	12.900.888.000	1.064.052.000	1.064.052.000
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Hoàng Tấn Phát	7.365.433.680	7.365.433.680	501.016.010	501.016.010
- Chi nhánh Công ty CP Kim khí Hà Nội	-	-	4.748.180.580	4.748.180.580
- Phải trả các đối tượng khác	28.183.057.815	28.183.057.815	10.108.727.085	10.108.727.085
	<u>48.449.379.495</u>	<u>48.449.379.495</u>	<u>16.421.975.675</u>	<u>16.421.975.675</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)				
	<u>3.126.343.550</u>	<u>3.126.343.550</u>	<u>6.441.443.253</u>	<u>6.441.443.253</u>

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	204.491.546	439.571.661
Chi phí tiền điện, tiền nước và phí dịch vụ	3.771.864.093	4.028.057.276
	<u>3.976.355.639</u>	<u>4.467.628.937</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xã Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.978.666.597	-	23.208.187.251	22.288.461.058	-	-	-	-	-	-	2.898.392.790
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	1.246.117.239	1.246.117.239	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.244.227.224	-	9.075.301.672	10.573.000.353	-	-	-	-	-	-	1.746.528.543
Thuế Thu nhập cá nhân	-	762.185.840	-	1.803.769.604	1.914.659.374	-	-	-	-	-	-	651.296.070
Thuế Tài nguyên (1)	-	1.476.000	-	(16.068.016)	16.759.632	-	-	-	-	31.351.648	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất (2)	-	120.681.000	-	7.448.111.520	7.448.111.520	-	-	-	-	-	-	120.681.000
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
		6.107.236.661		42.768.419.270	43.490.109.176					31.351.648		5.416.898.403

Trong năm 2016, Công ty đã được Cơ quan thuế thực hiện thanh tra thuế của các thời kỳ:

- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp: năm 2015;

- Thuế tài nguyên: từ năm 2012 đến năm 2015. Qua đó, Cơ quan thuế đã thực hiện điều chỉnh giảm số thuế tài nguyên phải nộp do kê khai cao hơn số phải nộp là 31.630.400 VND.

(1) Số thuế tài nguyên được khấu trừ do nộp thừa từ năm 2012 - 2016 là: 31.630.400 VND, số phải nộp của tháng 11/2016 và 12/2016 là 3.046.922 VND. Số còn được khấu trừ đến 31/12/2016 là 31.351.648 VND.

(2) Tiền thuế đất nộp trong năm bao gồm tiền thuế đất của năm 2016 là 5.792.688.000 đồng và tiền thuế đất năm 2015 bị truy thu 1.609.080.000 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	206.653.999	186.019.188
- Bảo hiểm xã hội	-	699.048.720
- Bảo hiểm y tế	-	98.387.876
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	46.680.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	257.219.677	1.010.075.636
	<u>463.873.676</u>	<u>2.040.211.920</u>
b) Dài hạn		
- Nhận lý quỹ, ký cược dài hạn (*)	50.998.000.000	998.000.000
	<u>50.998.000.000</u>	<u>998.000.000</u>

(*) Khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Thỏa thuận hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29/9/2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) về việc xây dựng khu phức hợp bao gồm thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6,3 ha. Sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đồng ý cho việc di dời đến vị trí mới, hai bên sẽ thành lập Công ty để triển khai thực hiện dự án, với tỷ lệ góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức 26%
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) 74%

Vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng, sẽ được lần lượt tăng lên 90 tỷ đồng, 670 tỷ đồng theo từng giai đoạn. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức sẽ chuyển nhượng 26% vốn góp cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) trong vòng 3 ngày kể từ REFICO nhận được Quyết định giao đất từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện triển khai dự án. REFICO sẽ thanh toán cho Công ty 110 tỷ đồng, để đền bù giá trị khu đất. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận, REFICO sẽ đặt cọc 50 tỷ để đảm bảo thực hiện Thỏa thuận. Khi Công ty đầu tư được thành lập, nhận được văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép Công ty được làm Chủ đầu tư dự án, và ký kết Hợp đồng đền bù khu đất với giá trị 110 tỷ đồng.



16 - VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh I TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	44.190.040.003	44.190.040.003	161.553.535.588	191.883.732.891	13.859.842.700	13.859.842.700
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	49.817.047.674	49.817.047.674	200.800.745.810	224.961.230.684	25.656.562.800	25.656.562.800
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽³⁾	44.358.262.091	44.358.262.091	73.858.429.170	106.437.652.561	11.779.038.700	11.779.038.700
	138.365.349.768	138.365.349.768	436.212.710.568	523.282.616.136	51.295.444.200	51.295.444.200

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 188/2016-HĐTDHM/NHCT902-THÉP THỦ ĐỨC ngày 31/10/2016 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản của Công ty.
 - + Số dư tại thời điểm cuối năm là 13.859.842.700 VND. ✓
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1650371/HĐTD ngày 30/09/2016 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản của Công ty.
 - + Số dư tại thời điểm cuối năm là 25.656.562.800 VND.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 177/2016/HĐHM/CIB ngày 24/08/2016 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.
 - + Số dư tại thời điểm cuối năm là 11.779.038.700 VND.

||
/S/
NH
IH
/DÁ

||
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xã Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

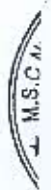
17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	17.739.342.555	12.644.219.148	170.345.825.984
Lãi trong năm trước	-	-	-	42.731.864.571	42.731.864.571
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	967.271.875	(967.271.875)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.643.748.490)	(1.643.748.490)
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(252.884.383)	(252.884.383)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.780.314.400)	(9.780.314.400)
Số dư cuối năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	18.706.614.430	42.731.864.571	201.400.743.282
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	18.706.614.430	42.731.864.571	201.400.743.282
Lãi trong năm nay	-	-	-	34.845.515.128	34.845.515.128
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.045.492.242	(1.045.492.242)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.777.571.198)	(2.777.571.198)
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(427.318.646)	(427.318.646)
Chia cổ tức	-	-	-	(17.115.550.200)	(17.115.550.200)
Số dư cuối năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	19.752.106.672	56.211.447.413	215.925.818.366

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 618/NQ-VKCC ngày 05/4/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	42.731.864.571
Lợi nhuận chưa phân phối	50,00	21.365.932.285
Lợi nhuận phân phối	50,00	21.365.932.286
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	4,89	1.045.492.242
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,00	427.318.646
- Trích Quỹ khen thưởng	6,50	1.388.785.599
- Trích Quỹ phúc lợi	6,50	1.388.785.599
- Chi trả cổ tức (bằng 14% vốn điều lệ)	80,11	17.115.550.200



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Công ty Cổ phần Gemadept	10,90	13.321.950.000	10,90	13.322.950.000
Các cổ đông khác	24,10	29.466.880.000	24,10	29.465.880.000
	100	122.253.930.000	100	122.253.930.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	122.253.930.000	122.253.930.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	17.115.550.200	9.780.314.400

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.225.393	12.225.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.225.393	12.225.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.752.106.672	18.706.614.430
	19.752.106.672	18.706.614.430

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.325,40	7.534,83



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.014.914.314	9.497.211.394
Chi phí khác bằng tiền	7.072.302.575	6.787.428.153
	13.087.216.889	16.284.639.547

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.034.526.953	2.159.987.295
Chi phí nhân công	17.708.389.473	15.274.024.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	687.727.259	994.143.666
Thuế, phí, lệ phí	7.573.517.262	4.340.035.996
Chi phí dự phòng	855.394.290	185.125.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.523.649.606	2.395.513.028
Chi phí khác bằng tiền	7.768.581.447	6.453.267.602
	39.151.786.290	31.802.098.072

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Truy thu thuế GTGT, thuế TNCN	13.454.818	35.372.762
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	63.039.162	600.193.942
Chi phí khác	-	9
	76.493.980	635.566.713

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.920.816.800	55.018.564.394
Các khoản điều chỉnh tăng	174.879.585	781.337.913
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	63.039.162	600.193.942
- Chi phí truy thu thuế TNCN, GTGT	13.454.818	35.372.762
- Chi phí khấu hao vượt định mức	20.385.605	40.771.209
- Thủ lao HĐQT không tham gia điều hành	78.000.000	105.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.216.290)	(706.575.706)
- Trích trước chi phí kiểm toán, lãi vay	-	(321.438.646)
- Thu nhập do hoàn nhập dự phòng	-	(385.137.060)
- Lãi Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền	(1.216.290)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	44.094.480.095	55.093.326.601
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.818.896.019	12.120.531.852

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	256.405.653	166.167.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.244.227.224	3.420.821.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.573.000.353)	(12.463.293.890)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>1.746.528.543</u>	<u>3.244.227.224</u>

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	34.845.515.128	42.731.864.571
Các khoản điều chỉnh	(2.925.000.000)	(5.555.142.394)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.925.000.000)	(5.555.142.394)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.920.515.128	37.176.722.177
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.611</u>	<u>3.041</u>

Khoản điều chỉnh Quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016 được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ theo Nghị quyết số 618/NQ-VKC Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 05/04/2016.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.176.697.365.686	1.104.831.491.435
Chi phí nhân công	87.229.236.437	74.771.011.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.183.868.173	16.197.739.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.754.285.193	213.624.390.049
Chi phí khác bằng tiền	20.872.661.128	20.005.909.199
	<u>1.526.737.416.617</u>	<u>1.429.430.541.357</u>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản lương đương tiền	113.907.855.637	-	113.863.240.466	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.333.549.752	-	68.135.399.429	-
	<u>217.241.405.389</u>	<u>-</u>	<u>181.998.639.895</u>	<u>-</u>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	51.295.444.200	138.365.349.768
Phải trả người bán, phải trả khác	99.911.253.171	19.460.187.595
Chi phí phải trả	3.976.355.639	4.467.628.937
	155.183.053.010	162.293.166.300

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.907.855.637	-	-	113.907.855.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.333.549.752	-	-	103.333.549.752
	<u>217.241.405.389</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>217.241.405.389</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.863.240.466	-	-	113.863.240.466
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.135.399.429	-	-	68.135.399.429
	<u>181.998.639.895</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>181.998.639.895</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	51.295.444.200	-	-	51.295.444.200
Phải trả người bán, phải trả khác	48.913.253.171	50.000.000.000	998.000.000	99.911.253.171
Chi phí phải trả	3.976.355.639	-	-	3.976.355.639
	<u>104.185.053.010</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>998.000.000</u>	<u>155.183.053.010</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	138.365.349.768	-	-	138.365.349.768
Phải trả người bán, phải trả khác	18.462.187.595	-	998.000.000	19.460.187.595
Chi phí phải trả	4.467.628.937	-	-	4.467.628.937
	<u>161.295.166.300</u>	<u>-</u>	<u>998.000.000</u>	<u>162.293.166.300</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	436.212.710.568	1.060.263.067.146
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	523.282.616.136	1.128.684.308.054

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.573.049.858.427	1.174.969.440.971
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	1.361.804.826.895	972.555.762.101
- Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	8.427.168.000	7.200.410.400
- Công ty Cổ phần Thép Tân Thuận	Cùng Công ty mẹ	283.985.885	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm mạ Công nghiệp Vingal	Cùng Công ty mẹ	112.945.800	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	27.444.652.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	-	1.539.506.400
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	-	8.500.000
- Công ty TNHH Thép Vinakyoel	Công ty liên kết của Công ty mẹ	149.111.987.200	166.025.443.700
- Công ty Liên doanh Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	53.308.944.647	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	195.166.370
Lãi bán hàng trả chậm		595.305.113	4.117.608.782
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	399.155.225	3.857.164.772



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Km9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Phải thu ngắn hạn khác		64.376.430	41.761.018
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	38.657.742	41.761.018
- Công ty Liên doanh Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	25.718.688	-
Phải trả người bán ngắn hạn		3.126.343.550	6.441.443.253
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	726.787.094	-
- Chi nhánh Công ty CP Kim Khí Hà Nội - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	990.676.500	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	99.358.446	-
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	455.169.000	601.854.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	132.792.000	332.384.800
- Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	721.560.510	686.240.830
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	-	72.783.043
- Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	-	4.748.180.580
Phải trả khác			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	776.188.728



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.175.489.000	4.126.133.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

 <hr/> Nguyễn Anh Kha Người lập	 <hr/> Đỗ Thị Long Châu Kế toán trưởng	  <hr/> Nguyễn Phùng Hiền Tổng Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2017
--	---	---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO

KIỂM SÓAT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05/4/2016;
- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2016, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT NĂM 2016

1/ Về nhân sự:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức nhiệm kỳ 2013 - 2018 bao gồm 03 thành viên:

- | | |
|---------------------------|------------|
| - Bà Đoàn Hồng Hà | Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Minh | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Minh Sơn | Thành viên |

2/ Về Hoạt động của BKS:

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Xem xét đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp;
- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý số liệu tài chính của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát hàng quý và năm.
- Xem xét tính thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

Qua một năm hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2016

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016	+/-	%
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	1.585.372.952.672	1.711.638.444.426	126.265.491.754	7,96%
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.157.539.033	1.335.418.869	-822.120.164	-38,10%
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	1.583.215.413.639	1.710.303.025.557	127.087.611.918	8,03%
Giá vốn hàng bán	1.470.821.783.851	1.612.501.426.657	141.679.642.806	9,63%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	112.393.629.788	97.801.598.900	-14.592.030.888	-12,98%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.668.658.262	1.940.476.054	-2.728.182.208	-58,44%
Chi phí tài chính	13.647.393.534	3.505.760.995	-10.141.632.539	-74,31%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	13.429.330.890	3.430.767.091	-9.998.563.799	-74,45%
Chi phí bán hàng	16.284.639.547	13.087.216.889	-3.197.422.658	-19,63%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.802.098.072	39.151.786.290	7.349.688.218	23,11%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.328.156.897	43.997.310.780	-11.330.846.117	-20,48%
Thu nhập khác	325.974.210	-		
Chi phí khác	635.566.713	76.493.980	-559.072.733	-87,96%
Lợi nhuận khác	(309.592.503)	(76.493.980)	233.098.523	-75,29%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.018.564.394	43.920.816.800	-11.097.747.594	-20,17%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.286.699.823	9.075.301.672	-3.211.398.151	-26,14%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.731.864.571	34.845.515.128	-7.886.349.443	-18,46%

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức so với kế hoạch 2016 và cùng kỳ năm 2015:

Về sản xuất kinh doanh phôi thép: Sản lượng sản xuất phôi đạt 169.220 tấn, đạt 105,7% kế hoạch, tăng 8,6% so với cùng kỳ; Tiêu thụ phôi thép đạt 21.616 tấn, đạt 86,5% kế hoạch, tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Về sản xuất kinh doanh thép cán: Sản lượng sản xuất thép cán đạt 153.883 tấn, đạt 118,4% kế hoạch, tăng 19,3% so với cùng kỳ; Tiêu thụ thép cán đạt 159.814 tấn, đạt

123% kế hoạch, tăng 24,8% so với cùng kỳ; Doanh thu thép cán đạt 1.497 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ.

Doanh thu thuần về bán hàng đạt 1.710 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ 2015; giá vốn tăng 9,6%; Doanh thu thuần và giá vốn tăng nhưng lợi nhuận gộp bán hàng giảm 13% tương ứng giảm 14,5 tỷ đồng, nguyên nhân:

+ Do tốc độ tăng giá vốn tăng cao hơn doanh thu thuần.

+ Ngoài ra do trong năm 2016 thị trường nguyên liệu đầu vào chủ yếu có chiều hướng tăng cao (giá phế liệu tăng khoảng từ 4000đ/kg lên đến 5000đ/kg); giá bán thép đầu ra biến động nhiều, nhất là trong quý 1 và quý 3, giá bán giảm sâu.

Xét các chỉ tiêu năm 2016 so với cùng kỳ 2015, nhận thấy:

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 58,4% tương ứng giảm 2,7 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm 74,3% tương ứng giảm 10 tỷ đồng, do cân đối được nguồn vốn giảm vay ngân hàng.

Chi phí bán hàng giảm 19,6% tương ứng giảm 3,2 tỷ đồng; Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 23% tương ứng tăng 7,3 tỷ đồng, chủ yếu tăng do Công ty nộp thêm tiền thuê đất truy thu năm 2015, do Cục thuế áp lại đơn giá tính thuế đất (tiền thuê đất nộp trong năm bao gồm tiền thuê đất năm 2016: 5,7 tỷ đồng và tiền thuê đất năm 2015 bị truy thu 1,6 tỷ).

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty đạt 43,9 tỷ đồng, đạt 175,7% kế hoạch, giảm 20% so với cùng kỳ. Công ty cần tận dụng tốt hơn nữa cơ hội thị trường trong việc mua vào nguyên vật liệu và bán ra thành phẩm; Tiết giảm chi phí hợp lý để mang lại hiệu quả cao hơn trong kinh doanh.

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC); Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	+/-	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	320.786.575.303	312.119.645.374	8.666.929.929	2,78%
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	113.907.855.637	113.863.240.466	44.615.171	0,04%
1. Tiền	43.907.855.637	113.863.240.466	-69.955.384.829	-61,44%
2. Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	0	70.000.000.000	100%
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU	100.577.328.052	67.157.271.539	33.420.056.513	49,76%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	102.369.714.725	67.386.097.711	34.983.617.014	51,92%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	95.092.600	1.017.792.120	-922.699.520	-90,66%
6. Phải thu ngắn hạn khác	963.835.027	749.301.718	214.533.309	28,63%
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	(2.851.314.300)	(1.995.920.010)	-855.394.290	42,86%
IV. HÀNG TỒN KHO	102.448.165.680	131.099.133.369	-28.650.967.689	-21,85%
1. Hàng tồn kho	102.448.165.680	131.099.133.369	-28.650.967.689	-21,85%

V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	3.853.225.934	0	3.853.225.934	100%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.821.874.286	0	3.821.874.286	100%
3. Thuế và Các khoản phải thu nhà nước	31.351.648	0		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	67.567.104.756	69.182.399.782	-1.615.295.026	-2,33%
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	62.145.152.405	67.951.090.691	-5.805.938.286	-8,54%
1. Tài sản cố định hữu hình	62.145.152.405	67.951.090.691	-5.805.938.286	-8,54%
- Nguyên giá	303.271.478.961	292.893.549.074	10.377.929.887	3,54%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(241.126.326.556)	(224.942.458.383)	-16.183.868.173	7,19%
IV. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	5.421.952.351	1.231.309.091	4.190.643.260	340,34%
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.421.952.351	1.231.309.091	4.190.643.260	340,34%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	388.353.680.059	381.302.045.156	7.051.634.903	1,85%
NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm	+/-	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	172.427.861.693	179.901.301.874	-7.473.440.181	-4,15%
I. NỢ NGẮN HẠN	121.429.861.693	178.903.301.874	-57.473.440.181	-32,13%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	48.449.379.495	16.421.975.675	32.027.403.820	195,03%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.606.883	7.161.464	6.445.419	90,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.416.898.403	6.107.236.661	-690.338.258	-11,30%
4. Phải trả người lao động	11.549.599.766	10.991.293.207	558.306.559	5,08%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.976.355.639	4.467.628.937	-491.273.298	-11,00%
9. Phải trả ngắn hạn khác	463.873.676	2.040.211.920	-1.576.338.244	-77,26%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.295.444.200	138.365.349.768	-87.069.905.568	-62,93%
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	264.703.631	502.444.242	-237.740.611	-47,32%
II. NỢ DÀI HẠN	50.998.000.000	998.000.000	50.000.000.000	5.010,02%
7. Phải trả dài hạn khác	50.998.000.000	998.000.000	50.000.000.000	5.010,02%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	215.925.818.366	201.400.743.282	14.525.075.084	7,21%
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	215.925.818.366	201.400.743.282	14.525.075.084	7,21%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000	0	0,00%
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	122.253.930.000	122.253.930.000	0	0,00%
2. Thặng dư vốn cổ phần	17.708.334.281	17.708.334.281	0	0,00%
8. Quỹ đầu tư phát triển	19.752.106.672	18.706.614.430	1.045.492.242	5,59%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	56.211.447.413	42.731.864.571	13.479.582.842	31,54%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	388.353.680.059	381.302.045.156	7.051.634.903	1,85%

Nhận xét chung về tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2016:

2.1. Tổng tài sản có đến 31/12/2016 là 388,3 tỷ đồng tăng 1,85% so với đầu năm, trong đó:

- Tiền mặt: 111 triệu đồng, Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn: 43,79 tỷ đồng.
- Tiền gửi có kỳ hạn: 70 tỷ đồng, do Công ty dự phòng tiền đặt cọc thuê đất di dời đến khu công nghiệp Hiệp Phước phải trả trong quý I/2017 (Dự kiến, sau khi được phê duyệt di dời của Bộ Công thương, Công ty ký hợp đồng thuê đất và đặt cọc).
- Các khoản phải thu:
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 51,9% so với đầu năm, số tiền những khách hàng còn nợ Công ty đến thời điểm 31/12/2016 là 102,3 tỷ đồng, trong đó:

Nợ luân chuyển 98,5 tỷ: Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (78,69 tỷ) và Cty Thép Tây Đô (19,8 tỷ), nợ luân chuyển này do chưa đến hạn thu.

Nợ quá hạn 700 triệu: Cty TNHH TM Quang Giàu

Nợ khó đòi 3,1 tỷ: Cty CP Đầu tư XD Miền nam (297 triệu đồng), Cty TNHH MTV TMDV VT Lợi My 2 (2,8 tỷ đồng).

Với khách hàng là Cty CP Đầu tư XD Miền nam, công nợ phát sinh trong năm 2015. Do khách hàng gặp khó khăn về tài chính nên thanh toán chậm, từ đầu năm Công ty đã ký kết hợp đồng thực hiện các hạng mục xây dựng cơ bản, dự kiến sẽ cần trừ công nợ trên giá trị quyết toán công trình.

Với khách hàng là Công ty TNHH MTV TMDV VT Lợi My 2, Công ty đã liên hệ với cơ quan công an và được xác nhận công ty này đã bỏ trốn.

+ Đến 31/12/2016 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 2,8 tỷ đồng.

- Hàng tồn kho (có đến 31/12/2016) 102,4 tỷ đồng giảm 21,85% so với đầu năm, trong đó chủ yếu:

Thép thành phẩm : 1.068,7 tấn, trị giá 10 tỷ đồng giảm 83% so với cùng kỳ, (trong đó 81,6 tấn hàng ký gửi kho Chi nhánh tại Nha Trang).

Phôi thép: 216,3 tấn, trị giá 1,8 tỷ đồng, giảm 76% so với cùng kỳ.

Nguyên vật liệu tồn kho trị giá 90,4 tỷ đồng tăng 46% so với cùng kỳ.

- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Nguyên giá tài sản cố định tăng 10,37 tỷ đồng do Công ty mua mới thiết bị:
 - + Máy photo copy: 69,27 triệu đồng.
 - + Máy biến thế 25 MVA: 7,47 tỷ đồng.
 - + Xe đào bánh xích thủy lực: 2,8 tỷ đồng.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 5,4 tỷ đồng, trong đó:
 - + Hệ thống điều khiển chương trình nấu luyện đã giải ngân 3,8 tỷ đồng, đang trong giai đoạn chạy thử chưa nghiệm thu.
 - + Quy hoạch dự án và phương án di dời nâng cấp thiết bị Công ty: 1,58 tỷ đồng.

2.2. Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2016: 388,3 tỷ đồng tăng 1,85% so với đầu năm, trong đó:

- Phải trả người bán ngắn hạn 48,4 tỷ đồng tăng 195% so với đầu năm, do các khoản nợ mua hàng trả chậm của khách hàng chưa đến hạn thanh toán.
- Tiền thuế cuối năm phải thanh toán 5,4 tỷ đồng chủ yếu là thuế GTGT phải nộp trong tháng 12/2016 (2,8 tỷ) và thuế TNDN quý 4/2015 (1,7 tỷ). Trong năm Công ty đã nộp đủ các khoản thuế cho Nhà nước, cũng như trả lương đầy đủ cho CBCNV trong Cty.
- Vay ngắn hạn thời điểm 31/12/2016 là 51,29 tỷ đồng giảm 62,9% so với thời điểm đầu năm; chiếm 13,2% trên tổng nguồn vốn, chi tiết vay ngắn hạn:
 - Ngân hàng TMCP CTVN Chi nhánh I – TP. HCM: 13.859.842.700 đồng
 - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN – CN TP. HCM: 25.656.562.800 đồng
 - Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng – TP. HCM: 11.779.038.700 đồng
- Phải trả dài hạn khác tăng 50 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, đây là tiền hỗ trợ đi dòi của Cty REFICO (Theo đúng thỏa thuận hợp tác đầu tư số 1064/TT-VKC ngày 29/9/2016 đã được ký kết giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức và Công ty Cổ phần Phát triển và tài trợ địa ốc REFICO)

3. Đánh giá về công tác đầu tư năm 2016

- ❖ Kế hoạch đầu tư năm 2016: 04 hạng mục đầu tư, trong đó 03 hạng mục đầu tư mới và 01 hạng mục chuyển tiếp, tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng.
- ❖ Đầu tư bổ xung đột xuất 01 hạng mục: Biến thế 25MVA/15KV thay biến thế cũ 16MVA, mức đầu tư 7,5 tỷ đồng.
- ❖ Chi tiết đầu tư từng hạng mục:
 - 1/ *Xe đào 0,9m³* (kế hoạch phê duyệt đầu tư 3 tỷ đồng): Đã nghiệm thu bàn giao, đưa vào sử dụng từ tháng 11/2016. Quyết toán dự án hoàn thành 2,8 tỷ đồng.
 - 2/ *Máy cắt thủy lực thổi DLT* (2 tỷ): Ngừng triển khai do phương án đi dòi của Công ty.
 - 3/ *Cải tạo sàn nguội* (4,5 tỷ): Ngừng triển khai do phương án đi dòi của Công ty.
 - 4/ *Hệ thống điều khiển chương trình nấu luyện* (dự kiến đầu tư 3,8 tỷ đồng): Đây là hạng mục chuyển tiếp, sẽ nghiệm thu trong tháng 02/2017.
 - 5/ *Hạng mục biến thế 25MVA/15KV* (dự kiến đầu tư 7,5 tỷ đồng): Đưa vào sử dụng từ tháng 9/2016, đã quyết toán dự án hoàn thành: 7,476 tỷ đồng.

Các dự án đã được quyết toán và thực hiện đúng theo các qui định của pháp luật.

4. Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 14% với tổng số tiền là 17.115.550.200 đồng
- Số tiền lợi nhuận cổ tức năm 2015 đã trả: 17.115.200 đồng

5. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2016

- Năm 2016, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm Hội đồng Quản trị đã ban hành và bổ sung hoàn thiện một số Quy chế phù hợp với Điều lệ Công ty và luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Về công tác cán bộ, đã điều động và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp từ đầu tháng 8 đến nay nhìn chung cán bộ mới được bổ nhiệm phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Đã chi trả cổ tức vào tháng 5 cho cổ đông theo đúng tỷ lệ đã công bố tại Đại hội cổ đông.
- Triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- HĐQT đề ra Nghị quyết định hướng chiến lược trong việc di dời và phát triển Công ty.

6. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2016

Ban Điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh: Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập ổn định cho người lao động ... theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua.
- Trong công tác tài chính kế toán: Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Quản lý tốt công tác công nợ, đảm bảo nguồn tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác đầu tư: Đã thực hiện tốt các hạng mục đầu tư 2016 có hiệu quả, ngưng thực hiện các hạng mục bị ảnh hưởng bởi việc di dời Công ty. Đã chuẩn bị và lập phương án di dời Công ty đến vị trí mới.

6. Đánh giá hoàn thành kế hoạch

	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện		So sánh %	
			2015	2016	TH/KH	+/- 2016/ 2015
Sản xuất						
- Phôi thép	tấn	160.000	155.791	169.220	105,76%	8,62%
- Thép cán	tấn	130.000	128.936	153.883	118,37%	19,35%
Tiêu thụ						
- Phôi thép	tấn	25.000	19.436	21.616	86,46%	11,22%
- Thép cán	tấn	130.000	128.099	159.814	122,93%	24,76%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	25	55	43,9	175,6%	-20,18%

Đánh giá chung sản xuất kinh doanh năm 2016, tuy lợi nhuận có giảm so với cùng kỳ 2015, nhưng tăng so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm. Hội đồng Quản trị và Ban Điều

hành đã tổ chức kinh doanh tốt, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.

Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư, di dời Công ty.

Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Báo cáo này đã được tất cả thành viên Ban kiểm soát thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Đoàn Hồng Hà

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017**

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu thép xây dựng của thị trường, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh chính năm 2017 như sau:

1. Về sản xuất:

- Sản Xuất phôi thép : 180.000 tấn.
- Sản xuất thép cán : 170.000 tấn.

2. Về kinh doanh:

- Tiêu thụ thép cán : 160.000 tấn.
- Tiêu thụ phôi thép : 10.000 tấn.

3. Về lợi nhuận trước thuế : 35,44 tỷ đồng.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Dương Minh Chính

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017

I. Các chỉ tiêu chính về kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước		Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ KH/TH năm trước (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản lượng sản xuất	Tấn				
	- Phôi (bao gồm gia công)		160,000	169,221	180,000	106%
	- Thép cán (bao gồm gia công)		130,000	153,883	170,000	110%
2	Sản lượng tiêu thụ	-nt-				
	- Phôi (bao gồm mua ngoài)		25,000	21,616	10,000	46%
	- Thép cán (bao gồm mua ngoài)		130,000	159,815	160,000	100%
3	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tr.đ	1,345,000	1,710,303	1,680,000	98%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	-nt-	4,800	1,940	960	49%
5	Giá vốn	-nt-	1,259,800	1,612,501	1,579,560	98%
6	Chi phí bán hàng	-nt-	15,000	13,087	16,000	122%
7	Chi phí quản lý	-nt-	35,000	39,228	38,500	98%
8	Chi phí tài chính	-nt-	15,000	3,506	11,460	327%
9	Lợi nhuận trước thuế	-nt-	25,000	43,921	35,440	81%
10	Thuế TNDN	-nt-	5,500	9,075	7,088	78%
11	Lợi nhuận sau thuế	-nt-	19,500	34,846	28,352	81%
12	Lợi nhuận cơ bản/cổ phiếu	Tr.đ	0.0016	0.0029	0.0023	81%
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	10.0%	16.1%	11.8%	73%
14	Cổ tức, lợi nhuận chi trả cho chủ sở hữu	Tr.đ	15,893	18,338		
15	Vốn lưu động sử dụng bình quân (dự trữ nguyên vật liệu, hàng hóa, công nợ, phi hàng hóa (tiền, công cụ lao động,...))	Tr. đ	400,000	316,454	400,000	126%
16	Vòng quay vốn lưu động/năm	Vòng	3.4	5.4	4.2	78%

II. Nhu cầu vốn lưu động năm kế hoạch 2017 (Triệu đồng)

1	Doanh thu	1,680,960
2	Lợi nhuận sau thuế	28,352
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	16,121
4		
	Tổng nguồn vốn CSH có tại ngày 31/12/2016	215,926
5	Tổng dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2016	50,998
6	Tổng tài sản dài hạn có tại ngày 31/12/2016	67,567

7	Vốn CSH của Công ty còn lại tại ngày 31/12/2016 ((4)+(5)-(6))	199,357
8	Tổng nhu cầu vốn bình quân cần thiết năm kế hoạch	400,000
	Trong đó:	
8.1	Nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn bình quân cần cho hoạt động sản xuất kinh doanh	400,000
8.2	Nhu cầu vốn trung dài hạn cần cho hoạt động đầu tư XD CB	
9	Vốn Cty còn thiếu phải bù đắp thêm(=(8)-(7))	200,643
	Trong đó:	
9.1	Vốn ngắn hạn	200,643
9.2	Vốn trung dài hạn	
10	Các phương án bổ sung vốn, trong đó:	
10.1	Vay tổ chức tín dụng	200,643
	Vay ngắn hạn:	200,643
	Vay trung dài hạn:	
10.2	Vốn vay khác, phát hành trái phiếu, các hình thức huy động vốn khác	
11	Hạn mức tín dụng (ngắn hạn, trung dài hạn) đã ký với các tổ chức tín dụng	400,000
	Ngân hàng Công thương VN	200,000
	Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	150,000
	Ngân hàng VN Thịnh Vượng	50,000

Tp Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính

T.P. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2017

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2017**

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức-Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel trình Đại hội đồng Cổ đông kế hoạch đầu tư năm 2017 như sau:

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Đầu tư máy biến thế 8MVA cho lò LF để sử dụng nguồn hơi 22KV khác tách khỏi trạm 25MVA-110/15KV để giảm tải cho trạm 25MVA.	3.500	Vốn doanh nghiệp	Biến thế này vẫn phù hợp cho đi dời Công ty sau này
2	Đầu tư cụm động cơ cán trung 1 chiều và lập trình điều khiển tốc độ từ cán trung đến cán tinh	8.500	nt	Ổn định công nghệ cán, nâng cao năng suất, chất lượng SP
3	Đầu tư máy tiện CNC	4.000	nt	Phục vụ cho công tác gia công trục cán
	TỔNG CỘNG:	16.000	Vốn doanh nghiệp	

Về vốn đầu tư: ĐHCĐ giao quyền cho HĐQT thu xếp nguồn vốn cho phù hợp.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP
THỦ ĐỨC - VNSTEEL
Dương Minh Chính

TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2016

Căn cứ kết quả báo cáo tài chính năm 2016, HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét phương án chia lãi như sau:

1. Kết quả đạt được

Tổng lợi nhuận trước thuế	43,920,816,800
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	34,845,515,128
Tổng số vốn điều lệ	122,253,930,000

2. Kết quả chia lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN được chia	34,845,515,128
Lợi nhuận 2015 để lại chưa phân phối	21,365,932,285
Tổng lợi nhuận dự kiến phân chia như sau	56,211,447,413

STT	NỘI DUNG PHÂN PHỐI LN	SỐ TIỀN	TỶ LỆ %/LNPP	TỶ LỆ %/VĐL
1	Chia lãi cổ phần	18,338,089,500	32.62%	15%
2	Quỹ khen thưởng	2,000,000,000	3.56%	
3	Quỹ phúc lợi	1,484,551,513	2.64%	
4	Lợi nhuận để lại đầu tư di dời	34,388,806,400	61.18%	
	Tổng cộng	56,211,447,413	100%	

Ngày 17 tháng 03 năm 2017

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Dương Minh Chính

TỜ TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2017

Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2017, HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét phương án chia lãi như sau:

1. Kế hoạch lợi nhuận

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	35,440,000,000
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	28,352,000,000
Tổng số vốn điều lệ	122,253,930,000

2. Dự kiến phân chia lợi nhuận

STT	NỘI DUNG PHÂN PHỐI LN	SỐ TIỀN	TỶ LỆ %/LNPP	TỶ LỆ %/VĐL
1	Quỹ đầu tư phát triển			
2	Quỹ phúc lợi	1,417,600,000	5.00%	
3	Quỹ khen thưởng	1,417,600,000	5.00%	
4	Quỹ thưởng HĐQT, ban KS, thư ký, ban điều hành Công ty	567,040,000	2.00%	
5	Chia lãi cổ phần	0		
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	24,949,760,000	88.00%	
	Tổng cộng	28,352,000,000	100%	

Ngày 17 tháng 03 năm 2017

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Dương Minh Chính

TP. Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT TOÁN
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2016**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel trong Năm 2016, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel trong Năm 2016 như sau:

1. Mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát, công ty: 2.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

2. Mức thù lao năm 2016:

Năm 2016 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức có 01 thành viên Hội đồng Quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát công ty không trả lương hàng tháng.

Mức thù lao công ty trả cho 02 người năm 2016:

$(4.000.000 \text{ đồng} + 2.500.000 \text{ đồng}) \times 12 \text{ tháng} = 78.000.000 \text{ đồng}$

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính

TP. Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2017

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thép thủ Đức-Vnsteel.
- Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel trình Đại hội đồng Cổ đông mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel trong Năm 2017 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thư ký công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đối với nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương hàng tháng thì không hưởng thù lao chức trách kiêm nhiệm.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP
THỦ ĐỨC - VNSTEEL
DƯƠNG MINH CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v GIAO QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 05/4/2016, giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán. Năm 2016 Hội đồng Quản trị lựa chọn *Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC* làm đơn vị kiểm toán độc lập.

Trong năm qua Kiểm toán viên đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về đạo đức nghề nghiệp. Công tác kiểm toán năm 2016 đã được tiến hành đầy đủ theo qui định của pháp luật, được phản ánh cụ thể trong thư quản lý của Công ty kiểm toán, đi kèm báo cáo kiểm toán.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét biểu quyết giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL NĂM 2017

PHIẾU CHẤT VẤN CỦA CỔ ĐÔNG

Họ và tên cổ đông.

Mã số cổ đông.

NỘI DUNG CHẤT VẤN

Lined area for the survey content.

